Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7606.12

Mã HS	7606.12
Mô tả hàng hóa	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm / - Hình chữ nhật (kể cả hình vuông): / - - Bằng hợp kim nhôm:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	02/11/2026 13:28:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/760612/

7 dòng thuế thuộc 7606.12

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
7606.12.20	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm / - Hình chữ nhật (kể cả hình vuông): / - - Bằng hợp kim nhôm: / - - - Đế bản nhôm, chưa nhạy, dùng trong công nghệ in	kg	5%	0%	10 / 8 (nhiều mức)
7606.12.32	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm / - Hình chữ nhật (kể cả hình vuông): / - - Bằng hợp kim nhôm: / - - - Dạng lá: / - - - - Để làm lon (kể cả đáy lon và nắp lon), dạng cuộn(SEN)	kg	4,5%	3%	10 / 8 (nhiều mức)
7606.12.33	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm / - Hình chữ nhật (kể cả hình vuông): / - - Bằng hợp kim nhôm: / - - - Dạng lá: / - - - - Loại khác, bằng hợp kim nhôm 5082 hoặc 5182, có chiều rộng trên 1m, dạng cuộn (SEN)	kg	4,5%	3%	10 / 8 (nhiều mức)
7606.12.34	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm / - Hình chữ nhật (kể cả hình vuông): / - - Bằng hợp kim nhôm: / - - - Dạng lá: / - - - - Loại khác, tấm litô hợp kim HA 1052 độ cứng H19 và hợp kim HA 1050 độ cứng H18	kg	4,5%	3%	10 / 8 (nhiều mức)
7606.12.35	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm / - Hình chữ nhật (kể cả hình vuông): / - - Bằng hợp kim nhôm: / - - - Dạng lá: / - - - - Loại khác, đã gia công bề mặt	kg	4,5%	3%	10 / 8 (nhiều mức)
7606.12.39	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm / - Hình chữ nhật (kể cả hình vuông): / - - Bằng hợp kim nhôm: / - - - Dạng lá: / - - - - Loại khác	kg	4,5%	3%	10 / 8 (nhiều mức)
7606.12.90	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm / - Hình chữ nhật (kể cả hình vuông): / - - Bằng hợp kim nhôm: / - - - Loại khác	kg	4,5%	3%	10 / 8 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.